



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 25.00551
25.511/1DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

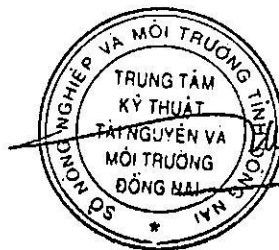
19/4/2025
Trang 1/4

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIẤY
Km 2, tỉnh lộ 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Đầu vào trước xử lý
- Tên mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : NT1
- Ngày lấy mẫu : 31/3/2025
- Ngày nhận mẫu : 31/3/2025
- Thời gian thử nghiệm : 31/3/2025 - 18/4/2025
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2-4/4

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Trong thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

19/4/2025

Trang 2/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNM Cột A K _f =0,9; K _f =1,0
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾⁽²⁾	°C	SMEWW 2550 B:2023	30,5	40
2	pH ⁽¹⁾⁽²⁾		TCVN 6492:2011	6,95	6 - 9
3	Độ màu ⁽¹⁾⁽²⁾	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	40	50
4	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	8	27
5	COD ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	28	68
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	7	45
7	Amoni (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	6,73	4,5
8	Tổng nito ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	14,9	18,0
9	Tổng photpho ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	3,25	3,6
10	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023	1,04	4,5
11	Clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	111	450
12	Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	<0,02	0,9
13	Tổng xyanua ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002	0,063
14	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	<0,1	0,18
15	Tổng phenol ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	0,0058	0,09
16	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	4,5
17	Asen (As) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	0,045
18	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,0045
19	Chì (Pb) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,09
20	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,045
21	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,045
22	Đồng (Cu) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	1,8
23	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,22	2,7
24	Niken (Ni) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,18
25	Mangan (Mn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,12	0,45
26	Sắt (Fe) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6177:1996	0,34	0,9
27	Crôm III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾⁽⁴⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,18

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao chép một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Thời gian lưu mẫu: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

19/4/2025

Trang 3/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=1,0
28	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ ^(*)	mg/L	USEPA 3510C + USEPA 3620C + USEPA 8270E		0,27
	Diazinon	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Parathion methyl	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Chlorpyrifos	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Parathion methyl	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Chlorpyrifos methyl	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Fenitrothion	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Malathion	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Fenithion	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Ethion	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Disulfoton	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Phenthoate	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Phorate	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Phosphamidon	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Pirimiphos ethyl	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Pirimiphos methyl	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Terbufos	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
29	Hóa chất BVTV clo hữu cơ ^(*)	mg/L	USEPA 3510C + USEPA 3630C + USEPA 8270E		0,045
	Aldrin	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Hexachlorobenzen	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	4,4'-DDD	mg/L		KPH(LOD=0,0003)	
	4,4'-DDE	mg/L		KPH(LOD=0,0003)	
	4,4'-DDT	mg/L		KPH(LOD=0,0003)	
	Dieldrin	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Endosulfan I	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Endosulfan II	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Endosulfan-sulfate	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Endrin	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	α-HCH	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	β-HCH	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích nội dung nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng